



HAGL Group

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Quý II năm 2011

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	7 - 40



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2011

B01-DN/HN

Ngàn VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		13.134.194.123	11.478.521.129
110	<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>		3.123.324.777	3.588.663.440
111	1. Tiền	4	3.123.324.777	3.588.663.440
120	<i>II. Các khoản đầu tư ngắn hạn</i>		81.783.240	81.783.240
121	1. Các khoản đầu tư ngắn hạn	5	81.783.240	81.783.240
130	<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>		5.078.849.908	3.517.700.503
131	1. Phải thu khách hàng	6	1.819.291.421	1.941.540.029
132	2. Trả trước cho người bán	7	2.072.246.831	1.249.025.710
135	3. Các khoản phải thu khác	8	1.188.470.094	328.293.202
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.158.438)	(1.158.438)
140	<i>IV. Hàng tồn kho</i>		4.529.260.973	4.054.385.694
141	1. Hàng tồn kho	9	4.529.314.457	4.054.439.178
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(53.484)	(53.484)
150	<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>		320.975.225	235.988.252
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		26.597.260	52.064.898
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		133.934.653	77.671.693
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		30.248.006	27.468.515
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	10	130.195.306	78.783.146
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		9.939.860.205	7.572.930.015
220	<i>I. Tài sản cố định</i>		5.887.252.083	4.409.784.787
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	1.766.208.464	1.401.270.498
222	Nguyên giá		2.024.919.130	1.598.371.382
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(258.710.666)	(197.100.884)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	19.139.723	14.284.184
225	Nguyên giá		21.273.991	14.896.718
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.134.268)	(612.534)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	120.598.491	115.360.179
228	Nguyên giá		123.539.983	117.798.151
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.941.492)	(2.437.972)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	3.981.305.405	2.878.869.926
250	<i>II. Các khoản đầu tư dài hạn</i>		3.599.029.654	2.855.492.612
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	15.2	31.745.640	30.931.029
258	2. Đầu tư dài hạn khác	16	3.567.284.014	2.824.561.583
260	<i>III. Tài sản dài hạn khác</i>		369.143.229	228.733.475
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	331.438.293	186.500.632
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.2	32.896.545	37.920.152
268	3. Tài sản dài hạn khác		4.808.391	4.312.691
269	<i>IV. Lợi thế thương mại</i>	3.12	84.435.239	78.919.141
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		23.074.054.328	19.051.451.144


Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2011

B01-DN/HN


Ngàn VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Đã điều chỉnh-Thuyết minh số 31)
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		13.574.540.233	10.347.700.049
310	I. Nợ ngắn hạn		6.859.092.324	7.214.950.417
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	18	2.192.058.580	3.092.741.335
312	2. Phải trả cho người bán		717.091.970	667.296.812
313	3. Người mua trả tiền trước	19	2.507.394.386	2.331.517.634
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	727.775.427	491.200.946
315	5. Phải trả công nhân viên		26.714.164	22.396.670
316	6. Chi phí phải trả	21	430.763.341	215.655.422
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	22	209.292.755	304.797.712
320	8. Dự phòng ngắn hạn		26.374.423	21.480.614
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		21.627.278	67.863.272
330	II. Nợ dài hạn		6.715.447.909	3.132.749.632
333	1. Phải trả dài hạn khác	23	23.650.416	23.718.851
334	2. Vay và nợ dài hạn	24	6.436.154.050	2.782.059.650
335	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30.2	254.349.036	325.538.308
336	4. Dự phòng trợ cấp thôi việc		1.294.407	1.432.823
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		8.787.419.928	8.123.232.135
410	I. Vốn chủ sở hữu	25	8.787.419.928	8.123.232.135
411	1. Vốn cổ phần		4.672.805.900	3.115.206.970
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.880.972.568	3.504.012.140
413	3. Phụ trội hợp nhất công ty con		(362.985.026)	(363.632.578)
416	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		142.004.192	59.665.483
417	5. Quỹ đầu tư và phát triển		8.622.737	8.622.737
418	6. Quỹ dự phòng tài chính		230.051.745	210.865.390
420	7. Lợi nhuận chưa phân phối		1.215.947.812	1.588.491.993
500	C. LỢI ÍCH CÓ ĐÔNG THIỂU SỐ		712.094.167	580.518.960
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		23.074.054.328	19.051.451.144


Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng

Ngày 15 tháng 8 năm 2011




Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý II năm 2011

B02-DN/HN

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)	Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	251.225.664	486.436.933	797.451.197	1.005.515.667
02	2. Các khoản giảm trừ	26.1	(315.755)	(1.010.484)	(407.834)	(5.604.413)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	250.909.909	485.426.449	797.043.363	999.911.254
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	(138.692.070)	(211.079.084)	(431.040.453)	(495.868.724)
20	5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ		112.217.839	274.347.365	366.002.910	504.042.530
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	521.877.097	230.921.834	956.852.434	359.972.639
22	7. Chi phí hoạt động tài chính	28	(122.129.933)	(55.916.731)	(218.191.341)	(92.823.824)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(82.085.064)	(53.741.249)	(175.441.112)	(89.192.882)
24	8. Chi phí bán hàng		(30.458.544)	(17.530.122)	(67.204.223)	(38.822.977)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(63.149.008)	(49.437.620)	(113.086.276)	(92.074.923)
30	10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		418.357.451	382.384.726	924.373.504	640.293.445
31	11. Thu nhập khác	29	29.433.473	22.160.891	37.926.553	26.283.110
32	12. Chi phí khác	29	(42.346.839)	(18.479.818)	(52.129.377)	(28.909.997)
40	13. Lỗ khác	29	(12.913.366)	3.681.073	(14.202.824)	(2.626.887)

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B02-DN/HN

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)	Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)
50	14. Lợi nhuận trước thuế		405.444.085	386.065.799	910.170.680	637.666.558
51	15. Thuế TNDN hiện hành	30.1	(173.808.584)	(89.639.765)	(323.911.056)	(138.225.814)
52	16. Thuế TNDN hoãn lại	30.2	59.001.730	(31.464.997)	81.578.800	(26.375.003)
60	17. Lợi nhuận thuần trong kỳ		290.637.231	264.961.037	667.838.424	473.065.741
	<i>Phân bổ cho:</i>					
	17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số		30.685.456	93.809.619	54.600.826	96.431.238
	17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		259.951.775	171.151.418	613.237.598	376.634.503
70	18. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)		556	406	1.312	912



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng

Ngày 15 tháng 8 năm 2011



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý II năm 2011

B03-DN/HN

Ngàn VNĐ

Mã số	Khoản mục	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh-Thuyết minh số 31)
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh (HĐKD)			
01	Lợi nhuận trước thuế		910.170.680	637.666.558
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	11, 12, 13	66.143.790	74.006.693
03	Các khoản dự phòng		-	(534.902)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(25.688.793)	(8.944.344)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(933.972.898)	(346.215.034)
06	Chi phí lãi vay	28	175.441.112	89.192.882
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		192.093.891	445.171.853
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(956.809.941)	659.911.354
10	Tăng hàng tồn kho		(397.253.346)	(715.713.850)
11	Tăng các khoản phải trả		626.357.051	364.517.544
12	Giảm chi phí trả trước		66.442.649	43.884.204
13	Tiền lãi vay đã trả		(124.662.928)	(210.460.361)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(48.146.795)	(77.692.602)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(49.048.169)	(53.438.743)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD		(691.027.588)	456.179.399
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(1.830.952.405)	(1.235.818.006)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-	16.148.359
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(1.246.480.342)	(991.776.400)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		735.262.466	466.693.598
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		-	46.445.090
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.342.170.281)	(1.698.307.359)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		4.498.245.072	1.567.143.271
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.930.385.866)	(1.044.697.644)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		2.567.859.206	522.445.627

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B03-DN/HN

Ngàn VNĐ

Mã số	Khoản mục	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm nay (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)
50	Giảm tiền thuần trong kỳ		(465.338.663)	(719.682.333)
60	Tiền đầu kỳ		3.588.663.440	1.944.228.950
70	Tiền cuối kỳ	4	3.123.324.777	1.224.546.617



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng

Ngày 15 tháng 8 năm 2011



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý II năm 2011

B09-DN/HN

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000083 ngày 1 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh (số 5900377720) như sau:

Điều chỉnh lần thứ nhất	Ngày 5 tháng 8 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ hai	Ngày 20 tháng 12 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ ba	Ngày 10 tháng 1 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ tư	Ngày 7 tháng 3 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ năm	Ngày 1 tháng 6 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ sáu	Ngày 19 tháng 6 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ bảy	Ngày 20 tháng 12 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ tám	Ngày 29 tháng 8 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ chín	Ngày 24 tháng 11 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ mười	Ngày 13 tháng 5 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười một	Ngày 11 tháng 6 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười hai	Ngày 15 tháng 9 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười ba	Ngày 18 tháng 11 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười bốn	Ngày 23 tháng 12 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười lăm	Ngày 17 tháng 5 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười sáu	Ngày 17 tháng 9 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười bảy	Ngày 28 tháng 12 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười tám	Ngày 28 tháng 1 năm 2011
Điều chỉnh lần thứ mười chín	Ngày 26 tháng 5 năm 2011

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty có 51 công ty con và 3 công ty liên kết (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 49 công ty con và 3 công ty liên kết) được trình bày trong Thuyết minh số 15 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Hoạt động chính của Tập đoàn, thông qua công ty mẹ và các công ty con, là sản xuất và kinh doanh sản phẩm bằng gỗ và đá granite; trồng cao su và các cây trồng khác; xây dựng; khai khoáng; xây dựng và kinh doanh thủy điện; phát triển căn hộ để bán và cho thuê; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") được trình bày bằng ngân đồng Việt Nam ("Ngàn VNĐ") và được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và Hệ thống Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam được Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2. CƠ SỞ LẬP CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.1. Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ, các thuyết minh có liên quan và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

2.3. Đơn vị tiền tệ kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

2.4. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ quý II năm 2011 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

2.5. Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") được lập cho Quý II năm 2011. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ sách (*Thuyết minh số 3.12*). Các báo cáo tài chính của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Tập đoàn theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B09-DN/HN

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

3.2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa - Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Giá vốn nguyên vật liệu, nhân công và chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí lãi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

3.4. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời .v.v...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6. Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn của hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Tập đoàn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8. Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	5 - 20 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây lâu năm	20 năm
Quyền sử dụng đất	45 năm
Phần mềm vi tính	5 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất vô thời hạn thì không được khấu hao.

3.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các tòa nhà, văn phòng cho thuê, công trình thủy điện và nông trường cao su mà chưa hoàn thành tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Tòa nhà và văn phòng cho thuê

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các tòa nhà, văn phòng cho thuê như chi phí thầu xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí khác.

Nông trường cao su

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển nông trường cây cao su như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường xá và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

Công trình thủy điện

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng công trình thủy điện như chi phí thăm dò khảo sát, chi phí đền bù đất, khai hoang, máy móc và công cụ, chi phí xây dựng, chi phí nhân công và chi phí liên quan khác.

Khai thác mỏ

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thăm dò khoáng sản như chi phí khảo sát, chi phí giấy phép, chi phí nhân công, máy móc, thiết bị và các chi phí liên quan khác.

3.10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước :

- ▶ Chi phí thuê trả trước;
- ▶ Chi phí bảo hiểm trả trước; và
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn và sử dụng trên một năm.

3.12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được đo lường theo giá gốc trừ đi hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Nếu chi phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ.

Trong trường hợp Công ty mua lợi ích từ cổ đông thiểu số của công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ tương ứng với lợi ích của cổ đông thiểu số được ghi nhận là lợi thế thương mại trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Trong trường hợp mua công ty con mà công ty con này không phải là doanh nghiệp kinh doanh (th) giao dịch được xem là mua tài sản và khi đó những tài sản mua và các khoản nợ phải trả gánh chịu được xác định cụ thể và ghi nhận. Giá mua sẽ được phân bổ cho các tài sản và nợ phải trả được xác định cụ thể trên cơ sở giá trị hợp lý tại ngày mua. Các nghiệp vụ và giao dịch này không làm phát sinh lợi thế thương mại.

Nếu việc hợp nhất kinh doanh liên quan đến các công ty hoặc doanh nghiệp dưới dạng kiểm soát chung, phương pháp cộng giá trị sổ sách được áp dụng như sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất được phản ánh theo giá trị ghi sổ;
- ▶ Không có lợi thế thương mại mới phát sinh từ việc hợp nhất;
- ▶ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh kết quả hoạt động của các doanh nghiệp hợp nhất cho kỳ kế toán, bất kể thời điểm phát sinh nghiệp vụ hợp nhất; và
- ▶ Các số liệu so sánh được trình bày như thể các doanh nghiệp đã được hợp nhất trước đây.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13. Chuyển nhượng đầu tư trong các công ty con

Nếu công ty mẹ chấm dứt quyền kiểm soát trong công ty con thì sẽ:

- ▶ ngừng ghi nhận tài sản (bao gồm cả lợi thế thương mại) và nợ phải trả theo giá trị ghi sổ tại thời ngày chấm dứt quyền kiểm soát;
- ▶ ngừng ghi nhận giá trị ghi sổ của những khoản lãi tương ứng với phần lợi ích thiếu số tại công ty con này tại ngày chấm dứt quyền kiểm soát;
- ▶ ghi nhận:
 - giá trị hợp lý của số tiền bán nhận được, nếu có, của nghiệp vụ, sự kiện hoặc giao dịch dẫn đến việc mất quyền kiểm soát; và
 - nếu việc mất quyền kiểm soát liên quan đến việc phân phối cổ phiếu của công ty con cho những cổ đông nắm giữ thì khi đó sẽ:
 - ghi nhận bất kỳ một khoản đầu tư nắm giữ trong công ty con trước đây theo giá trị hợp lý tại ngày chấm dứt quyền kiểm soát; và
 - ghi nhận khoản chênh lệch phát sinh như là một khoản lãi hoặc lỗ của công ty mẹ.

Nếu chuyển nhượng một phần tỷ lệ lợi ích trong công ty con mà không mất quyền kiểm soát thì việc giảm lợi ích này được hạch toán nhất quán với chính sách kế toán áp dụng cho việc tăng lợi ích trong công ty con. Theo đó, lãi lỗ từ việc chuyển nhượng quyền sở hữu trong công ty con được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.14. Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian mười (10) năm. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của quỹ dự trữ được ghi nhận vào quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15. Đất nắm giữ cho mục đích phát triển dự án, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đất nắm giữ cho mục đích phát triển dự án được ghi nhận như một khoản "Đầu tư dài hạn khác" với giá thấp hơn giữa giá mua và giá trị thuần có thể thực hiện. Giá mua là tất cả các chi phí bao gồm cả chi phí vay trực tiếp liên quan đến việc mua đất, chi phí bồi thường và giải tỏa mặt bằng. Giá trị thuần có thể thực hiện được thể hiện giá bán ước tính trừ đi chi phí thanh lý ước tính.

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

3.16. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.17. Trích trước trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ kế toán cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi năm tài chính theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty trước khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ kế toán, điều chỉnh cho việc phát hành cổ phiếu thưởng.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong tương lai tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Tài sản và nợ phải trả của cơ sở ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán; các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân trong kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài được ghi vào nguồn vốn chủ sở hữu. Khi thanh lý khoản đầu tư vào cơ sở ở nước ngoài, khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế liên quan đến cơ sở ở nước ngoài đó được kết chuyển sang báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.20. Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ được dành riêng nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi nào khác, v.v..

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên.

3.21. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu căn hộ

Doanh thu hoạt động bán căn hộ được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- ▶ doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- ▶ doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- ▶ xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21. Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản tăng giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ kế toán khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên số lượng điện thực tế đã bán và chuyển tải lên lưới điện theo giá điện đã thỏa thuận trước.

Thu nhập chuyển nhượng cổ phần

Thu nhập chuyển nhượng cổ phần được ghi nhận khi các thủ tục chuyển nhượng cổ phần đã hoàn tất và các bên tham gia đã hoàn tất các nghĩa vụ theo thỏa thuận hợp đồng.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc kinh doanh phòng khách sạn và khu nghỉ dưỡng và từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.22. Thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B09-DN/HN

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22. Thuế (tiếp theo)

Thuế hoãn lại (tiếp theo)

- Các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4. TIỀN

	<i>Ngân VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>
Tiền gửi ngân hàng	3.114.728.434	3.580.756.252
Tiền mặt tại quỹ	8.592.394	7.904.079
Tiền đang chuyển	3.949	3.109
Tổng cộng	<u>3.123.324.777</u>	<u>3.588.663.440</u>

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Số dư tài khoản này thể hiện giá trị tài sản ròng của chi nhánh Khu nghĩ dưỡng Đà Lạt đã được chấp thuận để thanh lý cho một bên thứ ba. Thủ tục pháp lý của việc chuyển nhượng chưa hoàn thành vào ngày lập các báo cáo này.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B09-DN/HN

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)
Phải thu tiền bán căn hộ	860.178.725	1.257.135.496
Phải thu theo hợp đồng xây dựng	521.565.293	415.568.763
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	437.547.403	268.835.770
Tổng cộng	1.819.291.421	1.941.540.029

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Trả trước cho nhà thầu	1.350.728.494	936.526.527
Trả trước tiền mua cổ phần	405.240.000	38.200.000
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	215.360.478	119.760.627
Trả trước mua quyền sử dụng đất và bất động sản	100.917.859	154.538.556
Tổng cộng	2.072.246.831	1.249.025.710

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Các khoản cho vay các công ty	551.242.962	56.343.034
Phải thu nhân viên	110.053.174	91.368.218
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	59.523.332	34.485.835
Cho vay ngắn hạn công nhân viên	56.354.522	52.552.255
Các khoản khác	411.296.104	93.543.860
Tổng cộng	1.188.470.094	328.293.202

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2011

B09-DN/HN

9. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)
Chi phí của các căn hộ đang xây để bán	3.708.579.861	3.500.003.713
Thành phẩm	107.457.186	129.504.120
Hàng hóa	66.671.160	33.855.388
Hàng mua đang đi trên đường	7.890	369.694
Sản phẩm dở dang	314.549.151	186.770.256
Trong đó:		
Sản xuất	126.124.583	99.674.111
Hợp đồng xây dựng	187.732.318	87.096.145
Dịch vụ cung cấp	692.250	-
Nguyên vật liệu	295.046.605	183.479.811
Vật liệu xây dựng	31.163.663	12.334.340
Công cụ, dụng cụ	5.838.941	8.121.856
Tổng cộng	<u>4.529.314.457</u>	<u>4.054.439.178</u>

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Các khoản tạm ứng cho nhân viên	129.277.784	78.621.252
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	917.522	161.894
Tổng cộng	<u>130.195.306</u>	<u>78.783.146</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B09-DN/HN

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận chuyển</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Cây trồng lâu năm</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Ngàn VNĐ Tổng cộng</i>
Nguyên giá							
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	873.718.921	520.773.826	179.231.647	9.532.510	6.698.345	8.416.133	1.598.371.382
Tăng trong kỳ	195.000.391	196.514.041	40.336.597	1.434.322	-	1.313.117	434.598.468
Giảm trong kỳ	(729.600)	(2.170.225)	(4.866.521)	(284.374)	-	-	(8.050.720)
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2011	<u>1.067.989.712</u>	<u>715.117.642</u>	<u>214.701.723</u>	<u>10.682.458</u>	<u>6.698.345</u>	<u>9.729.250</u>	<u>2.024.919.130</u>
Khấu hao lũy kế							
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	(53.539.928)	(99.585.168)	(36.168.352)	(3.989.498)	(941.956)	(2.875.982)	(197.100.884)
Tăng trong kỳ	(18.622.371)	(32.292.422)	(11.247.994)	(1.193.217)	(84.482)	(678.050)	(64.118.536)
Giảm trong kỳ	3.667	579.198	1.700.717	225.172	-	-	2.508.754
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2011	<u>(72.158.632)</u>	<u>(131.298.392)</u>	<u>(45.715.629)</u>	<u>(4.957.543)</u>	<u>(1.026.438)</u>	<u>(3.554.032)</u>	<u>(258.710.666)</u>
Giá trị còn lại							
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	<u>820.178.993</u>	<u>421.188.658</u>	<u>143.063.295</u>	<u>5.543.012</u>	<u>5.756.389</u>	<u>5.540.151</u>	<u>1.401.270.498</u>
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2011	<u>995.831.080</u>	<u>583.819.250</u>	<u>168.986.094</u>	<u>5.724.915</u>	<u>5.671.907</u>	<u>6.175.218</u>	<u>1.766.208.464</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B09-DN/HN

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Ngàn VNĐ		
	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận chuyển</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	3.270.000	11.626.718	14.896.718
Tăng trong kỳ	2.700.000	3.677.273	6.377.273
Phân loại lại	3.272.727	(3.272.727)	-
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2011	<u>9.242.727</u>	<u>12.031.264</u>	<u>21.273.991</u>
Khấu hao lũy kế			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	(45.417)	(567.117)	(612.534)
Tăng trong kỳ	(362.499)	(1.159.235)	(1.521.734)
Phân loại lại	(131.818)	131.818	-
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2011	<u>(539.734)</u>	<u>(1.594.534)</u>	<u>(2.134.268)</u>
Giá trị thuần			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	<u>3.224.583</u>	<u>11.059.601</u>	<u>14.284.184</u>
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2011	<u>8.702.993</u>	<u>10.436.730</u>	<u>19.139.723</u>

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Ngàn VNĐ		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	109.401.887	8.396.264	117.798.151
Tăng trong kỳ	5.527.500	214.332	5.741.832
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2011	<u>114.929.387</u>	<u>8.610.596</u>	<u>123.539.983</u>
Khấu hao lũy kế			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	(1.555.737)	(882.235)	(2.437.972)
Tăng trong kỳ	(102.096)	(401.424)	(503.520)
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2011	<u>(1.657.833)</u>	<u>(1.283.659)</u>	<u>(2.941.492)</u>
Giá trị thuần			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	<u>107.846.150</u>	<u>7.514.029</u>	<u>115.360.179</u>
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2011	<u>113.271.554</u>	<u>7.326.937</u>	<u>120.598.491</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B09-DN/HN

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

	Ngân VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Chi phí trồng cây cao su và trà	1.768.678.451	1.174.766.048
Nhà máy thủy điện	1.116.621.054	710.217.143
Văn phòng cho thuê	726.603.235	706.604.709
Thiết bị, hạ tầng ngành khoáng sản	159.256.820	104.797.176
Nhà xưởng, nhà văn phòng và nông trường	114.773.230	150.942.011
Thiết bị phần cứng, chi phí triển khai, phần mềm tin học	38.684.599	-
Các công trình xây dựng khác	56.688.016	31.542.839
Tổng cộng	3.981.305.405	2.878.869.926

15. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

15.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các công ty con mà Công ty có quyền kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Ngày thành lập/ ngày mua	Tỷ lệ sở hữu %
Bất động sản				
(1) Công ty Cổ phần Xây Dựng và Phát Triển Nhà Hoàng Anh	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	04/06/2007	83,71
(2) Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	15/01/2007	78,69
(3) Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng và Phát Triển Nhà Hoàng Nguyên	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	29/03/2007	74,50
(4) Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Tuấn	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	22/06/2007	59,60
(5) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	24/10/2007 (i)	42,69
(6) Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Phúc Bảo Minh	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	04/10/2008	83,36
(7) Công ty TNHH Minh Thành	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	28/11/2008 (i)	41,41
(8) Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển nhà Hoàng Anh - Incomex	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	2007	66,97
(9) Công ty TNHH An Tiến	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	10/01/2008	73,46
(10) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai - Bangkok	Bangkok, Thái Lan	Trước hoạt động	2009 (i)	39,34
(11) Công ty Cổ phần Địa ốc Đồng Nam	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	02/04/2010	83,63
(12) Công ty Cổ phần Xây lắp An Phú	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	9/2010	83,64

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B09-DN/HN

15. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Ngày thành lập/ ngày mua	Tỷ lệ sở hữu %
Bất động sản (tiếp theo)				
(13) Công ty Cổ phần Dịch vụ quản lý Bất động sản Hoàng Anh	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	30/05/2007	(i) 42,69
(14) Công ty Cổ phần Dịch vụ Hoàng Anh Viên Đông	Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	03/10/2009	60,94
(15) Công ty TNHH MTV Hoàng Thơ	Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	20/12/2010	83,71
Năng lượng				
(16) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	05/06/2007	99,35
(17) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh – Thanh Hóa	Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam	Trước hoạt động	18/10/2007	77,49
(18) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Đắk Bla	Tỉnh Kontum, Việt Nam	Trước hoạt động	30/05/2007	65,20
(19) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Tônà	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Trước hoạt động	22/06/2010	94,38
(20) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Ban Mê	Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Trước hoạt động	6/2009	50,67
Trồng cao su				
(21) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Trước hoạt động	26/05/2010	99,00
(22) Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Trước hoạt động	09/09/2008	98,76
(23) Công ty Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Tỉnh Attapeu, Lào	Trước hoạt động	22/05/2008	99,00
(24) Công ty Cổ phần Cao Su Hoàng Anh – Quang Minh	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	01/02/2007	64,01
(25) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	12/09/2007	81,26
(26) Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Tỉnh Attapeu, Lào	Đang hoạt động	12/01/2007	64,01
(27) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Rattanakiri, Cambodia	Trước hoạt động	16/07/2010	99,00
(28) Công ty TNHH Heng Brothers	Phnom Penh, Cambodia	Trước hoạt động	25/01/2010	99,00
(29) Công ty TNHH CRD	Phnom Penh, Cambodia	Trước hoạt động	15/12/2010	99,00
(30) Công ty Cổ phần Tân Đại Thắng Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Trước hoạt động	27/11/2010	69,07
(31) Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê	Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Trước hoạt động	15/01/2010	66,60
(32) Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Trước hoạt động	26/01/2011	55,00
(33) Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Rattanakiri, Cambodia	Trước hoạt động	17/02/2011	99,00
(34) Công ty TNHH Rattanakiri	Rattanakiri, Cambodia	Trước hoạt động	18/11/2009	99,00

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B09-DN/HN

15. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Ngày thành lập/ ngày mua	Tỷ lệ sở hữu %
Khai khoáng				
(35) Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	08/12/2007	83,70
(36) Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam	Trước hoạt động	23/02/2008	71,15
(37) Công ty Cổ phần Khoáng sản Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	12/04/2007	66,93
(38) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Thanh Hóa	Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam	Trước hoạt động	15/03/2010	50,22
(39) Công ty TNHH MTV Chế biến khoáng sản KBang	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	28/07/2010	66,93
(40) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL – Kontum	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Trước hoạt động	09/02/2010	83,70
(41) Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xêkông	Tỉnh Attapeu, Lào	Trước hoạt động	15/10/2009	83,70
(42) Công ty TNHH MTV Mô Rai	Tỉnh Kontum, Việt Nam	Trước hoạt động	9/3/2011	83,70
Sản xuất				
(43) Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	28/09/2009	94,07
(44) Công ty TNHH Một thành viên Nguyên Vật Liệu Gỗ	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	15/03/2010	94,07
Xây dựng, kinh doanh và dịch vụ				
(45) Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	12/01/2009	63,34
(46) Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Tp. Đà Nẵng, Việt Nam	Đang hoạt động	06/07/2007	51,85
(47) Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Trước hoạt động	07/05/2008	(i) 46,20
(48) Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Vientiane, Lào	Trước hoạt động	06/01/2009	80,00
(49) Công ty TNHH V&H Corporation	Vientiane, Lào	Trước hoạt động	27/03/2009	100,00
(50) Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Trước hoạt động	22/12/2009	55,12
(51) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Vientiane, Lào	Trước hoạt động	06/05/2010	54,45

(i) Công ty có trên 50% quyền biểu quyết và kiểm soát tại các công ty con này.

Tình trạng trước hoạt động là các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư, vẫn chưa bắt đầu hoạt động thương mại tại ngày 30 tháng 6 năm 2011.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B09-DN/HN

15. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

15.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2011		Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VNĐ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VNĐ
Công ty Đầu tư và Tư vấn xây dựng Á Đông	Tư vấn và thiết kế điện	25,00	8.696.771	25,00	7.882.160
Công ty cổ phần Bình Định Constrexim	Xây dựng nhà máy thủy điện	42,04	15.573.259	42,04	15.573.259
Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Định	Bất động sản	25,00	7.475.610	25,00	7.475.610
Tổng cộng			31.745.640		30.931.029

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B09-DN/HN

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>
Chi phí đất đai để phát triển các dự án	2.043.115.147	1.975.214.497
Đầu tư vào các hợp đồng hợp tác kinh doanh để phát triển các dự án bất động sản	1.199.857.250	539.857.250
Khoản cho vay Chính phủ Lào	293.112.585	280.819.684
Đầu tư vào công ty khác	25.326.902	25.326.902
Các khoản đầu tư khác	5.872.130	3.343.250
Tổng cộng	<u>3.567.284.014</u>	<u>2.824.561.583</u>

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>6 tháng đầu năm 2011</i>	<i>6 tháng đầu năm 2010</i>
Số đầu kỳ	186.500.632	141.963.630
Tăng trong kỳ	192.567.601	35.227.370
Chuyển sang ngắn hạn	(5.995.847)	-
Giảm do thanh lý hợp đồng	-	(43.463)
Phân bổ trong kỳ	(41.634.093)	(44.497.511)
Số cuối kỳ	<u>331.438.293</u>	<u>132.650.026</u>

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>
Trái phiếu chuyển đổi phát hành cho Northbrooks Investment (Mauritius) Pte Ltd	-	1.100.000.000
Các khoản vay ngắn hạn		
Vay ngân hàng	1.533.124.121	1.320.027.984
Vay các tổ chức và cá nhân khác	27.147.821	-
	<u>1.560.271.942</u>	<u>1.320.027.984</u>
Nợ vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 24)	631.786.638	672.713.351
Tổng cộng	<u>2.192.058.580</u>	<u>3.092.741.335</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2011

B09-DN/HN

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	2.453.987.950	2.327.998.476
Khách hàng thương mại trả tiền trước	53.406.436	3.519.158
Tổng cộng	<u>2.507.394.386</u>	<u>2.331.517.634</u>

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Thuế thu nhập doanh nghiệp	622.538.644	366.117.378
Thuế GTGT	98.389.836	122.294.798
Thuế thu nhập cá nhân	1.591.381	1.553.371
Các khoản phải nộp khác	5.255.566	1.235.399
Tổng cộng	<u>727.775.427</u>	<u>491.200.946</u>

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)
Chi phí lãi vay	272.567.355	100.829.304
Chi phí để xây dựng hoàn thành các căn hộ đã bán	84.658.048	17.898.827
Chi phí bảo hành xây dựng	24.090.573	24.090.573
Chi phí hoạt động	23.914.462	33.953.807
Chi phí thầu phụ	6.096.624	10.796.118
Các khoản khác	19.436.279	28.086.793
Tổng cộng	<u>430.763.341</u>	<u>215.655.422</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B09-DN/HN

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Phải trả nhân viên	57.946.689	104.406.649
Phải trả các công ty khác	56.064.600	50.114.167
Phải trả tiền mua đất	18.259.456	18.259.456
Thù lao cho Hội đồng Quản trị	-	1.217.760
Các khoản khác	77.022.010	130.799.680
Tổng cộng	<u>209.292.755</u>	<u>304.797.712</u>

23. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Nhận ứng trước tiền bán giảm phát tài "CER"	19.757.878	19.757.878
Nhận ký quỹ thuê văn phòng	3.834.038	3.902.473
Phải trả dài hạn khác	58.500	58.500
Tổng cộng	<u>23.650.416</u>	<u>23.718.851</u>

24. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Trái phiếu quốc tế	1.785.582.299	-
Trái phiếu thường	1.630.000.000	1.330.000.000
Trái phiếu chuyển đổi phát hành cho Northbrooks Investment (Mauritius) Pte Ltd	1.100.000.000	-
Vay dài hạn ngân hàng	2.521.470.039	2.107.620.384
Thuê tài chính	24.275.280	11.567.600
Vay cá nhân	6.613.070	5.585.017
Tổng cộng	<u>7.067.940.688</u>	<u>3.454.773.001</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18)</i>	<i>631.786.638</i>	<i>672.713.351</i>
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>6.436.154.050</i>	<i>2.782.059.650</i>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B09-DN/HN

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Ngàn VNĐ							
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Phụ trợ hợp nhất	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư, ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Đã điều chỉnh - Thuyết minh số 31)	3.115.206.970	3.504.012.140	(363.632.578)	59.665.483	8.622.737	210.865.390	1.588.491.993	8.123.232.135
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	613.237.598	613.237.598
Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đồng hiện hữu	1.557.598.930	(623.039.572)	-	-	-	-	(934.559.358)	-
Trích lập quỹ								
Dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	19.186.355	(19.186.355)	-
Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(26.393.367)	(26.393.367)
Phụ trợ hợp nhất	-	-	647.552	-	-	-	-	647.552
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	82.338.709	-	-	-	82.338.709
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(5.642.699)	(5.642.699)
Số dư, ngày 30 tháng 6 năm 2011	4.672.805.900	2.880.972.568	(362.985.026)	142.004.192	8.622.737	230.051.745	1.215.947.812	8.787.419.928

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

09-DN/HN

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.2 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	467.280.590	311.520.697
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>467.280.590</i>	<i>311.520.697</i>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	467.280.590	311.520.697
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>467.280.590</i>	<i>311.520.697</i>
Cổ phiếu đang lưu hành	467.280.590	311.520.697
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>467.280.590</i>	<i>311.520.697</i>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B09-DN/HN

26. DOANH THU

26.1 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

	Ngân VNĐ			
	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)	Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)
Doanh thu gộp	251.225.664	486.436.933	797.451.197	1.005.515.667
<i>Trong đó:</i>				
<i>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa</i>	97.645.345	344.379.899	468.524.141	674.973.105
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	71.145.846	57.788.132	193.232.359	201.501.065
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	56.975.396	72.075.443	85.470.627	108.071.473
<i>Doanh thu bán điện</i>	21.011.511	-	35.391.310	-
<i>Doanh thu căn hộ</i>	4.447.566	12.193.459	14.832.760	20.970.024
Trừ	(315.755)	(1.010.484)	(407.834)	(5.604.413)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(83.388)	(111.900)	(162.641)	(183.327)
Hàng bán trả lại	-	(897.588)	-	(5.409.199)
Giảm giá hàng bán	(232.367)	(996)	(245.193)	(11.887)
Doanh thu thuần	250.909.909	485.426.449	797.043.363	999.911.254
<i>Trong đó:</i>				
<i>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa</i>	97.412.977	343.482.311	468.291.773	674.053.015
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	71.145.846	57.788.132	193.232.359	201.501.065
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	56.892.009	71.962.547	85.295.161	103.387.150
<i>Doanh thu bán điện</i>	21.011.511	-	35.391.310	-
<i>Doanh thu căn hộ</i>	4.447.566	12.193.459	14.832.760	20.970.024



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B09-DN/HN

26. DOANH THU (tiếp theo)

26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngàn VNĐ			
	Quý II		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý khoản đầu tư	405.450.000	197.878.598	764.883.000	297.090.628
Lãi tiền gửi ngân hàng	96.762.007	16.776.621	170.300.941	45.695.089
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	18.850.479	10.196.580	20.853.882	11.116.887
Phần sở hữu lợi nhuận thuần từ các công ty liên kết	814.611	4.808.450	814.611	4.808.450
Các khoản khác	-	1.261.585	-	1.261.585
Tổng cộng	521.877.097	230.921.834	956.852.434	359.972.639

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Ngàn VNĐ			
	Quý II		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)	Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa	80.470.497	156.674.589	257.790.533	356.160.029
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	10.341.722	22.186.020	79.891.901	79.957.001
Giá vốn dịch vụ cung cấp	35.273.614	26.298.276	49.383.263	49.648.892
Giá vốn cung cấp điện	9.480.073	-	17.310.197	-
Giá vốn căn hộ	3.126.164	5.920.199	26.664.559	10.102.802
Tổng cộng	138.692.070	211.079.084	431.040.453	495.868.724

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B09-DN/HN

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Ngàn VNĐ			
	Quý II		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi	82.085.064	53.741.249	175.441.112	89.192.882
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	25.688.793	2.147.778	25.688.793	3.603.238
Các khoản khác	14.356.076	27.704	17.061.436	27.704
Tổng cộng	122.129.933	55.916.731	218.191.341	92.823.824

29. CÁC KHOẢN THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VNĐ			
	Quý II		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	29.433.473	22.160.891	37.926.553	26.283.110
Tiền thu thanh lý tài sản cố định	913.050	15.736.450	1.829.342	16.148.359
Tiền thu bán phế liệu	2.619.358	-	4.863.579	-
Các khoản khác	25.901.065	6.424.441	31.233.632	10.134.751
Chi phí khác	(42.346.839)	(18.479.818)	(52.129.377)	(28.909.997)
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	(966.236)	(12.716.488)	(2.019.118)	(18.277.493)
Chi phí phế liệu	(1.940.891)	-	(2.982.919)	-
Các khoản khác	(39.439.712)	(5.763.330)	(47.127.340)	(10.632.504)
Lãi/(lỗ) thuần	(12.913.366)	3.681.073	(14.202.824)	(2.626.887)



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B09-DN/HN

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí thuế TNDN trong kỳ bao gồm:

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>6 tháng đầu năm 2011</i>	<i>6 tháng đầu năm 2010</i>
		<i>(Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)</i>
Thuế TNDN hiện hành	323.911.056	138.225.814
Thuế TNDN hoãn lại	<u>(81.578.800)</u>	<u>26.375.003</u>
Tổng cộng	<u>242.332.256</u>	<u>164.600.817</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B09-DN/HN

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.1 Thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được tính như sau:

	Ngàn VNĐ	
	6 tháng đầu năm 2011	6 tháng đầu năm 2010 (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)
Lợi nhuận trước thuế	910.170.680	637.666.558
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận trước thuế		
Điều chỉnh tăng		
Doanh thu căn hộ đã phát hành hoá đơn trong kỳ	770.656.747	1.497.800
Chi phí trích trước	49.782.290	74.200.623
Các khoản lỗ của các công ty con	90.941.961	92.262.925
Giá vốn điện được miễn thuế	17.385.061	-
Các chi phí không có chứng từ hợp lệ	705.010	1.112.067
Chi phí khác	7.810.132	-
Điều chỉnh giảm		
Giá vốn căn hộ đã phát hành hoá đơn trong kỳ	(424.247.116)	-
Chi phí trích trước năm trước đã trả kỳ này	(77.070.285)	(87.834.003)
Doanh thu bán điện được miễn thuế	(35.391.310)	-
Lợi nhuận nội bộ chịu thuế đã kê khai nộp thuế năm trước	-	(10.746.112)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(24.552.807)	-
Lợi nhuận trong công ty liên kết	(814.611)	(4.808.450)
Các khoản khác	(150.682)	(3.125.325)
Lợi nhuận điều chỉnh trước khi chuyển lỗ	1.285.225.070	700.226.083
Lỗ tính thuế mang sang	(25.705.557)	(15.114.871)
Lợi nhuận chịu thuế ước tính	1.259.519.513	685.111.212
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất 25%	314.879.877	171.277.803
Trích thiếu thuế TNDN năm trước	117.731	1.865.876
Thuế TNDN truy thu của các năm trước	8.913.448	-
Giảm 30% thuế TNDN (*)	-	(34.917.865)
Thuế TNDN ước tính trong kỳ	323.911.056	138.225.814

(*) Đây là khoản thuế TNDN được giảm 30% theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 1 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B09-DN/HN

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.2 Thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại của Tập đoàn và những biến động trong kỳ kế toán thể hiện như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Ngân VNĐ</i>
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>	<i>Ghi nợ (có) trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>
	<i>(Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)</i>		
<i>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</i>			
Các khoản lỗ tính thuế của các công ty con	6.395.587	4.800.809	(1.594.778)
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	-	348.129	348.129
Chi phí trích trước	26.500.958	32.771.214	6.270.256
	32.896.545	37.920.152	
<i>Thuế TNDN hoãn lại phải trả</i>			
Lợi thế thương mại âm hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	61.439.435	61.439.435	-
Lợi nhuận từ hoạt động bán căn hộ chưa phải nộp thuế	205.284.800	291.887.207	(86.602.407)
Thuế TNDN ứng trước phải trả từ tiền thanh toán của khách hàng	(12.375.199)	(27.788.334)	
	254.349.036	325.538.308	
<i>Thuế thu nhập hoãn lại thuần ghi có trong kết quả hoạt động kinh doanh</i>			(81.578.800)

31. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Tập đoàn thay đổi chính sách kế toán về ghi nhận doanh thu hoạt động bán căn hộ trước khi xây dựng hoàn tất để phù hợp với những nguyên tắc của các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế. Việc thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng hồi tố. Các số liệu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ Quý II/2010 được điều chỉnh như sau:

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B09-DN/HN

31. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ (tiếp theo)

	Ngàn VNĐ		
	<i>Đã trình bày trên Bảng CĐKT hợp nhất ngày 31/12/2010</i>	<i>Điều chỉnh hồi tố</i>	<i>Số dư sau điều chỉnh hồi tố</i>
Tài sản ngắn hạn	11.231.717.123	246.804.006	11.478.521.129
<i>Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>4.362.062.643</i>	<i>(844.362.140)</i>	<i>3.517.700.503</i>
Phải thu khách hàng	2.785.902.169	(844.362.140)	1.941.540.029
<i>Hàng tồn kho</i>	<i>2.994.763.147</i>	<i>1.059.622.547</i>	<i>4.054.385.694</i>
Hàng tồn kho	2.994.816.631	1.059.622.547	4.054.439.178
<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>204.444.653</i>	<i>31.543.599</i>	<i>235.988.252</i>
Chi phí trả trước ngắn hạn	47.251.854	4.813.044	52.064.898
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	737.960	26.730.555	27.468.515
Tài sản dài hạn	7.539.999.603	32.930.412	7.572.930.015
<i>Tài sản dài hạn khác</i>	<i>195.803.063</i>	<i>32.930.412</i>	<i>228.733.475</i>
Chi phí trả trước dài hạn	153.570.220	32.930.412	186.500.632
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	18.771.716.726	279.734.418	19.051.451.144
Nợ phải trả	8.747.042.721	1.600.657.328	10.347.700.049
<i>Nợ ngắn hạn</i>	<i>5.196.037.015</i>	<i>2.018.913.402</i>	<i>7.214.950.417</i>
Người mua trả tiền trước	3.519.158	2.327.998.476	2.331.517.634
Chi phí phải trả	524.740.496	(309.085.074)	215.655.422
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>3.551.005.706</i>	<i>(418.256.074)</i>	<i>3.132.749.632</i>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	743.794.382	(418.256.074)	325.538.308
Vốn chủ sở hữu	9.158.714.963	(1.035.482.828)	8.123.232.135
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.623.974.821	(1.035.482.828)	1.588.491.993
Lợi ích của cổ đông thiểu số	865.959.042	(285.440.082)	580.518.960
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	18.771.716.726	279.734.418	19.051.451.144

	Ngàn VNĐ		
	<i>Đã trình bày trên Báo cáo KQHĐKD hợp nhất 6 tháng đầu 2010 đã soát xét</i>	<i>Điều chỉnh hồi tố</i>	<i>Số liệu sau điều chỉnh hồi tố</i>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.512.515.611	(1.506.999.944)	1.005.515.667
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.506.911.198	(1.506.999.944)	999.911.254
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(1.216.305.216)	720.436.492	(495.868.724)
Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.290.605.982	(786.563.452)	504.042.530
Chi phí bán hàng	(62.135.778)	23.312.801	(38.822.977)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.403.544.096	(763.250.651)	640.293.445
Lợi nhuận trước thuế	1.400.917.209	(763.250.651)	637.666.558
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	(212.993.284)	186.618.281	(26.375.003)
Lợi nhuận sau thuế	1.049.698.111	(576.632.370)	473.065.741
Lợi ích của cổ đông thiểu số	143.399.955	(46.968.717)	96.431.238
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	906.298.156	(529.663.653)	376.634.503
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	2.195	(1.283)	912

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B09-DN/HN

31. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ (tiếp theo)

	Ngàn VNĐ		
	<i>Đã trình bày trên Báo cáo LCTT hợp nhất 6 tháng đầu 2010 đã soát xét</i>	<i>Điều chỉnh hồi tố</i>	<i>Số liệu sau điều chỉnh hồi tố</i>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.400.917.209	(763.250.651)	637.666.558
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	1.208.422.504	(763.250.651)	445.171.853
(Tăng) giảm các khoản phải thu	(847.088.590)	1.506.999.944	659.911.354
Giảm (tăng) hàng tồn kho	4.722.642	(720.436.492)	(715.713.850)
Giảm (tăng) các khoản chi phí trả trước	67.197.005	(23.312.801)	43.884.204

Ngoài ra, số liệu đã trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của các quý III và IV/2010 được điều chỉnh như sau:

	Ngàn VNĐ		
	<i>Đã trình bày trên Báo cáo KQHĐKD hợp nhất giữa niên độ Quý III/2010</i>	<i>Điều chỉnh hồi tố</i>	<i>Số liệu sau điều chỉnh hồi tố</i>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	574.307.591	(245.755.157)	328.552.434
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	573.908.894	(245.755.157)	328.153.737
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(363.584.558)	141.900.671	(221.683.887)
Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	210.324.336	(103.854.486)	106.469.850
Chi phí bán hàng	(28.905.980)	2.764.539	(26.141.441)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	813.801.234	(101.089.947)	712.711.287
Lợi nhuận trước thuế	816.137.815	(101.089.947)	715.047.868
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	(10.312.651)	24.845.601	14.532.950
Lợi nhuận sau thuế	626.470.135	(76.244.346)	550.225.789
<i>Lợi ích của cổ đông thiểu số</i>	<i>38.649.161</i>	<i>(16.361.389)</i>	<i>22.287.772</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ</i>	<i>587.820.974</i>	<i>(59.882.957)</i>	<i>527.938.017</i>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B09-DN/HN

31. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ (tiếp theo)

	Ngàn VNĐ		
	<i>Đã trình bày trên Báo cáo KQHĐKD hợp nhất giữa niên độ Quý IV/2010</i>	<i>Điều chỉnh hồi tố</i>	<i>Số liệu sau điều chỉnh hồi tố</i>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.444.145.558	1.323.838.233	2.767.983.791
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.444.057.524	1.323.838.233	2.767.895.757
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(652.885.143)	(713.680.802)	(1.366.565.945)
Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	791.172.381	610.157.431	1.401.329.812
Chi phí bán hàng	(41.990.192)	(11.776.557)	(53.766.749)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	808.182.128	598.380.874	1.406.563.002
Lợi nhuận trước thuế	800.354.613	598.380.874	1.398.735.487
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	(101.427.998)	(136.867.591)	(238.295.589)
Lợi nhuận sau thuế	571.845.666	461.513.283	1.033.358.949
<i>Lợi ích của cổ đông thiểu số</i>	<i>33.535.063</i>	<i>64.339.290</i>	<i>97.874.353</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ</i>	<i>538.310.603</i>	<i>397.173.993</i>	<i>935.484.596</i>

32. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 1 tháng 7 năm 2011, Công ty và Northbrooks Investments (Mauritius) Pte Ltd đã ký kết Bản điều chỉnh hợp đồng mua bán trái phiếu. Theo đó, Điều khoản và Điều kiện của trái phiếu chuyển đổi phát hành ngày 31 tháng 8 năm 2010 được điều chỉnh như sau:

- ▶ Ngày Đến Hạn: Ngày đến hạn ban đầu là ngày 31 tháng 8 năm 2011 được điều chỉnh thành ngày 31 tháng 8 năm 2013 với quyền gia hạn thêm 1 hoặc 2 năm theo sự lựa chọn của chủ sở hữu Trái Phiếu với cùng điều khoản và điều kiện.
- ▶ Giá Chuyển Đổi: 44.917 VNĐ/một cổ phần (là giá chuyển đổi ban đầu (67.375 VNĐ/một cổ phần) được điều chỉnh xuống tương ứng với đợt phát hành cổ phiếu thưởng (ngày 21/01/2011) với tỷ lệ 2:1) và phụ thuộc vào Điều Khoản Chống Pha Loãng.
- ▶ Lãi suất: Lãi Suất Tiền Gửi cộng 3% một năm; được thanh toán hàng năm. "Lãi Suất Tiền Gửi" có nghĩa là trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 1 năm của cá nhân được niêm yết bởi Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu, Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín, Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thuật Việt Nam, và Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam vào ngày 19 tháng 8 năm 2010 và sẽ được điều chỉnh hàng năm.
- ▶ Chuyển Đổi Và Điều Khoản Chống Pha Loãng: Trái Phiếu có thể được chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần thành các cổ phần được phát hành của HAG từ ngày 1 tháng 3 năm 2013 cho đến Ngày Đến Hạn. Giá chuyển đổi có thể được điều chỉnh xuống mức thấp hơn khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào sau đây: (i) phát hành cổ phiếu thưởng, (ii) chia tách cổ phần, (iii) hợp nhất các cổ phần, hoặc (iv) phân loại lại cổ phần; (v) chia cổ tức, (vi) phát hành cổ phần mới thấp hơn giá thị trường của mỗi cổ phần tại thời điểm đó và (vii) bất kỳ sự kiện gây pha loãng nào khác.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2011

B09-DN/HN

32. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 15 tháng 7 năm 2011, Công ty đã phát hành trái phiếu hoán đổi trị giá 1.130.000.000 ngàn VND cho Northbrooks Investments (Mauritius) Pte Ltd với các nội dung chi tiết như sau:

- ▶ Kỳ hạn trái phiếu: 4 năm kể từ ngày phát hành với quyền gia hạn thêm 2 năm theo sự thoả thuận của chủ sở hữu trái phiếu.
- ▶ Lãi trái phiếu: thanh toán hàng năm với mức lãi suất được tính như sau.

Lãi suất = $5\% \times (1 + \text{Thay Đổi Tỷ Giá Hối Đoái})$.

"Thay Đổi Tỷ Giá Hối Đoái" có nghĩa là thay đổi tỷ giá hối đoái chính thức giữa USD và VND do HSBC niêm yết kể từ ngày phát hành Trái Phiếu ("Ngày Phát Hành") đến trước ngày 2 ngày làm việc so với ngày thanh toán lãi.

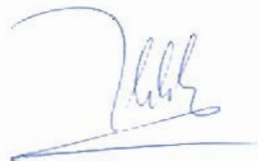
Nếu việc tính toán lãi suất trên đây không được pháp luật có liên quan cho phép, lãi suất sẽ được tính như sau.

Lãi Suất = $5\% \times (1+y)^n$

trong đó "y" có nghĩa là (i) tỷ lệ được nhà đầu tư và Công Ty thỏa thuận và đồng ý tối thiểu 5 ngày làm việc trước ngày đầu tiên của thời hạn thanh toán lãi, hoặc (ii) trong trường hợp nhà đầu tư và Công Ty không thể đạt được thỏa thuận về tỷ lệ đó, 10%.

"n" có nghĩa là số đợt thời hạn thanh toán lãi đã trôi qua kể từ Ngày Phát Hành đến và bao gồm thời hạn thanh toán lãi đó.

- ▶ Hoán đổi: Chủ sở hữu Trái Phiếu có quyền hoán đổi Trái Phiếu toàn bộ hoặc một phần thành các cổ phần của Công Ty Cổ Phần Cao Su HAGL do Công Ty nắm giữ tại bất kỳ thời điểm nào kể từ (i) ngày niêm yết các cổ phần của Công Ty Cổ Phần Cao Su HAGL hoặc (ii) ngày tròn ba năm kể từ Ngày Phát Hành, tùy thuộc ngày nào muộn hơn, và kết thúc vào (i) ngày đến đến hạn hoặc (ii) trong trường hợp Trái Phiếu được gia hạn, ngày trước ngày tròn sáu năm kể từ Ngày Phát Hành.



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2011